TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 11- 2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Tiến Thịnh

Bà Lê Thị Sinh Chi.

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐST-HN&GĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987

Nơi cơ trú: Số nhà 44, phố C, tổ 41, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **P.A**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Số nhà 44, phố C, tổ 41, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa; nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh P.A tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/02/2011, tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn chị và anh P.A chung sống cùng gia đình anh P.A tại địa chỉ: Số nhà 44, phố C, tổ 41, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình và tình cảm vợ chồng hạnh phúc được 01 năm, đến cuối năm 2012 anh P.A vi phạm pháp luật bị bắt tạm giam và bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 08 năm tù, kể từ đó vợ chồng chị phải sống xa nhau trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh P.A. Hiện tại anh P.A đã được mãn hạn tù và về gia đình từ đầu tháng 11/2018, nhưng vợ chồng chị vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh P.A có 01con chung là Phan Sinh Q, sinh ngày 09/7/2012. Hiện tại chị đang nuôi con chung, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P.A cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh P.A không có tài sản chung, không có công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải về tài sản chung.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (thực hiện việc ủy thác của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình), anh P.A trình bày như sau:* Anh đã được nhận các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án nhân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cũng như đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ về việc chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh. Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/02/2011, tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn. Năm 2012 anh vi phạm phạm luật nên bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 08 năm tù, hiện tại đang thi hành án tại Đội 27/B19, Phân trại I, Trại giam Nam Hà. Thời gian anh thi hành án trong trại giam thỉnh thoảng chị H có đến thăm gặp. Nay chị H xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 01con chung là Phan Sinh Q, sinh ngày 09/7/2012. Hiện tại chị H đang nuôi con chung, ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con chung. Lý do anh xin nuôi con là do anh được xét giảm thời gian thi hành án nên anh chỉ còn phải thi hành án khoảng 02 tháng nữa là được về gia đình, anh đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung, không có ruộng cấy chung, không vay nợ chung tài sản của ai và không cho ai vay chung tài sản gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải về tài sản chung.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2018, bà Vũ Thị Y, sinh năm 1950 (là mẹ đẻ của anh P.A), địa chỉ: Số nhà 44, phố C, Tổ 41, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình trình bày*: Anh P.A và chị Nguyễn Thị H có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2011 tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh, chị sinh sống cùng với gia đình bà tại địa chỉ nêu trên. Năm 2012, anh P.A vi phạm pháp luật nên bị Tòa án xử phạt 08 năm tù, hiện đang thi hành án tại Đội 27/B19, Phân trại I, Trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam. Khoảng tháng 9 - 10/2018 anh P.A được mãn hạn tù về địa phương. Nay chị H xin ly hôn anh P.A, gia đình bà không có ý kiến gì và tôn trọng quyết định của anh, chị. Anh P.A và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là Phan Sinh Q, sinh ngày 09/7/2012. Nếu ly hôn, anh P.A có nguyện vọng xin nuôi con chung vì vậy bà đề nghị Tòa án xem xét.

** Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2018, đại diện tổ dân phố số41, phường Q và đại diện chính quyền phường Q, thành phố T, cung cấp như sau:*

Anh P.A, chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2011, tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh, chị chung sống tại gia đình anh P.A, địa chỉ : Số nhà 44, phố C, Tổ 41, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Đến năm 2012, anh P.A có hành vi vi phạm pháp luật nên bị Tòa án xử phạt 08 năm tù, hiện đang thi hành án tại Trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam. Chị H hiện tại đang sinh sống, mở hiệu làm tóc và nuôi con tại gia đình anh P.A. Trong thời gian chung sống khoảng 01 năm anh, chị có mâu thuẫn hay không địa phương không biết. Anh, chị có 01 con chung là Phan Sinh Q, sinh ngày 09/7/2012. Anh, chị không có tài chung là nhà, đất và cũng không nợ thuế, tài sản gì của các đoàn thể ở địa phương. Nay chị H xin ly hôn anh P.A, địa phương có quan điểm như sau: Về hôn nhân và con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và công nợ chung tại địa phương anh, chị không có, không nợ nên địa phương không có ý kiến.

** Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2018, các giáo viên chủ nhiệm, thủ quỹ và Ban giám hiệu trường Mầm non Hoa Hồng, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:* Cháu Phan Sinh Q, sinh ngày 09/7/2012 là con chung của chị Nguyễn Thị H - anh P.A. Cháu Q có tham gia học tập tại trường Mầm non Hoa Hồng từ năm học 2014 - 2015 đến năm 2017 - 2018. Trong thời cháu Q học tập tại trường chị H là người trực tiếp đưa, đón đi về, họp phụ huynh, đóng tiền ăn, tiền học hàng tháng cho cháu Q. Các cô giáo chủ nhiệm, cô thủ quỹ và ban giám hiệu nhà trường không gặp anh P.A làm các việc trên cho cháu Q. Bà Vũ Thị Y (bà nội cháu Q) thỉnh thoảng có đưa, đón cháu Q đi, về học. Cháu Q là học sinh ngoan, lễ phép, tiếp thu nhanh, thể lực và tâm lý tốt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền thụ lý vụ án: Đảm bảo đúng quy định tại tại các Điều 28, 35, 39 và 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xác định tư cách tố tụng của đương sự: Thẩm phán xác định đúng tư cách tham gia tố tụng phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tiếp nhận tài liệu chứng cứ và thu thập chứng cứ: Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 96, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tống đạt thông báo, văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử: Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của phát luật.

- Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Đảm bảo đúng quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án thụ lý ngày 24/5/2018, ngày 26/9/2018 Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo trong thời hạn giải quyết (4 tháng) đối với các tranh chấp về hôn nhân gia đình.

- Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

3. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin thuận tình ly hôn. Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh P.A.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh P.A cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án thấy là phù hợp pháp luật nên cần xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh P.A có hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 44, phố C, Tổ 41, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa ra xét xử, anh P.A thi hành án tại Đội 27/B19, Phân trại I, Trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam. Hiện tại anh P.A đã thi hành xong hình phạt tù, về địa phương từ đầu tháng 11/2018, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh P.A. Chị H, anh P.A có năng lực hành vi dân sự đầy đủ cho nên chị H là nguyên đơn và anh P.A là bị đơn.

[1.3]. Về thủ tục hòa giải: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P.A thi hành án tại trại giam, chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, như vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh P.A tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/02/2011, tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được 01 năm, đến năm 2012 do anh P.A vi phạm phạm luật, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 08 năm tù về tội « Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy » và phải thi hành án tại Trại giam từ năm 2013 đến nay. Tuy nhiên là vợ chồng khi tuổi còn trẻ đã phải sống xa nhau mỗi người một nơi trong thời gian dài, thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến nhau vì thế tình cảm vợ chồng phai nhạt dần đến nay không còn khả năng khắc phục. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh P.A. Điều đó cho thấy chị H không còn yêu thương, quan tâm tới anh P.A, không mong muốn cùng anh P.A chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và không mong muốn cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

[2.2]. Về phía anh P.A, sau khi thụ lý vụ án, anh có nhận được các thủ tục khởi kiện vụ án (bản sao) do chị H giao nộp tại Tòa án và các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án. Anh P.A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn vì thế anh đồng ý ly hôn chị H. Như vậy anh P.A không còn tha thiết với hôn nhân hiện tại nên không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[2.3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị H được ly hôn anh P.A là phù hợp.

[2.4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh P.A có 01 con chung là Phan Sinh Q, sinh ngày 09/7/2012. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị H và anh P.A thì thấy, hiện tại con chung đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo ổn định về mọi mặt trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, con chung phát triển bình thường về thể lực và trí tuệ, ngoan ngoãn, lễ phép, cho thấy chị H có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Mặc dù tại thời điểm xét xử vụ án, anh P.A đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương song chưa ổn định cuộc sống, chưa có điều kiện để chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Do đó cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Chị H không yêu cầu anh P.A cấp dưỡng cho con chung, vì vậy không giải quyết việc cấp dưỡng cho con trong vụ án này. Anh P.A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh P.A và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

[2.5].Về tài sản chung: Chị H, anh P.A đều trình bày anh, chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và công nợ chung trong vụ án này. Sau này một trong hai bên có yêu cầu sẽ được đặt ra giải quyết thành một vụ án dân sự khác.

[2.6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 203 và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh P.A.

2. Về con chung: Xử giao 01con chung là Phan Sinh Q, sinh ngày 09/7/2012 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh P.A cấp dưỡng cho con chung nên không giải quyết việc cấp dưỡng cho con chung trong vụ án này. Anh P.A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

chung. Anh P.A và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3.Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh P.A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết. Khi một trong hai bên có yêu cầu sẽ được giải quyết thành một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu số 0007040 ngày 24/5/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/11/2018. Anh P.A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường Q, thành phố T , tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hân